

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

KHOA NGÂN HÀNG



BÀI TIỂU LUẬN NHÓM

MÔN: LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

**ĐỀ BÀI: TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA ĐẾN LẠM PHÁT VÀ
TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ LIÊN HỆ THỰC TẾ TẠI VIỆT NAM TRONG 3
NĂM GẦN ĐÂY**

Lớp học phân:

FIN301_2411_11_L22

Giảng viên:

Ts. Trần Chí Chính

Nhóm sinh viên thực hiện

1. Nguyễn Thị Ngọc Uyên

MSSV: 050611231513

2. Nguyễn Thị Phương Uyên

MSSV: 050611231514

3. Nguyễn Gia Vy

MSSV: 050611231578

4. Nguyễn Ngọc Tường Vy

MSSV: 050611231584

5. Phạm Huỳnh Thảo Vy

MSSV: 050611231600

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26, tháng 10, năm 2024

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CÔNG VIỆC

HỌ VÀ TÊN	MSSV	MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP (%)
Nguyễn Thị Ngọc Uyên	050611231513	100%
Nguyễn Thị Phương Uyên	050611231514	100%
Nguyễn Gia Vy	050611231578	100%
Nguyễn Ngọc Tường Vy	050611231584	100%
Phạm Huỳnh Thảo Vy	050611231600	100%

PHIẾU CHẤM ĐIỂM CỦA GIẢNG VIÊN

Điểm:

Nhận xét của giảng viên:

MỤC LỤC

PHIẾU CHẤM ĐIỂM CỦA GIẢNG VIÊN	ii
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC BẢNG	v
LỜI MỞ ĐẦU	vi
I. Tổng quan về các đối tượng	1
1. Chính sách tài khóa	1
2. Lạm phát	1
3. Tăng trưởng kinh tế	2
II. Công cụ và mục đích của chính sách tài khoá	2
1. Thuế	2
2. Chi tiêu chính phủ	3
3. Mục tiêu của chính sách tài khóa	3
4. Phân loại chính sách tài khoá	3
4.1. Chính sách tài khoá mở rộng	4
4.2. Chính sách tài khoá thu hẹp	4
4.3. Chính sách tài khoá trung lập	4
III. Tác động của chính sách tài khoá đối với lạm phát	5
1. Tình trạng lạm phát tại Việt Nam từ 2007 đến nay	5
2. Tác động của chính sách tài khoá	7
IV. Tác động của chính sách tài khoá đến tăng trưởng kinh tế	11
1. Tác động của chính sách tài khoá đến tăng trưởng kinh tế	11
2. Chính sách tài khoá tác động đến tăng trưởng kinh tế qua những khía cạnh	15
2.1 Kích thích tổng cầu thông qua chi tiêu công	15

2.2 Chính sách thuế	16
2.3 Chính sách cân bằng ngân sách nhà nước	17
V. Liên hệ thực tiễn: Tác động của chính sách tài khóa đến lạm phát và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam trong 3 năm gần đây	18
1. Tác động của chính sách tài khóa đến lạm phát	18
2. Tác động của chính sách tài khóa đến tăng trưởng kinh tế	20
VI. Cơ hội và thách thức của chính sách tài khóa của Việt Nam	25
1. Cơ hội	25
2. Thách thức	26
VII. Những bài học cho chính sách tài khóa trong tương lai	27
VIII. Tổng kết	30
LỜI KẾT	31

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Nguyên nghĩa
1	FDI	Vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài
2	GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
3	GNP	Tổng sản phẩm quốc dân
4	PCI	Quy mô sản lượng quốc gia bình quân trên đầu người
5	NSNN	Ngân sách nhà nước
6	ICOR	Hệ số đầu tư tăng trưởng
7	CSTT	Chính sách tiền tệ
8	CSTK	Chính sách tài khóa

DANH MỤC BẢNG

STT	Tên bảng	Trang
1	Tình trạng lạm phát Việt Nam từ 2007	5
2	Tốc độ Tăng / giảm GDP các quý năm 2021	11
3	Tốc độ Tăng / giảm GDP các quý năm 2022	12
4	Tốc độ Tăng / giảm GDP các quý năm 2023	13
5	Tốc độ tăng thu NSNN / tăng GDP và CPI so hàng năm	14

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam liên tục đối mặt với nhiều biến động phức tạp, vai trò của chính sách tài khóa trở nên ngày càng quan trọng trong việc điều tiết và ổn định nền kinh tế. Chính sách tài khóa bao gồm các biện pháp liên quan đến chi tiêu công và thu thuế của chính phủ,... Không chỉ là công cụ để kích thích hoặc kìm hãm tăng trưởng kinh tế, mà còn là yếu tố quyết định đến mức độ lạm phát, một trong những chỉ số kinh tế vĩ mô quan trọng nhất. Lạm phát có thể ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân, tác động đến chi phí sinh hoạt, thu nhập thực tế, cũng như ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất.

Trong những năm gần đây từ 2021 đến 2023, Việt Nam đã trải qua một giai đoạn biến động mạnh mẽ do nhiều yếu tố, bao gồm đại dịch Covid-19, ảnh hưởng của chiến tranh Ukraine – Nga, khủng hoảng chuỗi cung ứng toàn cầu. Những yếu tố này đã đặt ra thách thức lớn cho nền kinh tế Việt Nam, buộc chính phủ phải đưa ra các chính sách tài khóa linh hoạt và kịp thời nhằm đối phó với các nguy cơ suy thoái và lạm phát. Mức độ thành công của chính sách tài khóa sẽ hỗ trợ tăng trưởng kinh tế đồng thời kiểm soát lạm phát để đánh giá tính hiệu quả của các biện pháp điều hành kinh tế của nhà nước.

Bên cạnh đó sẽ phân tích tác động của chính sách tài khóa trong việc kiểm soát lạm phát và tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong giai đoạn ba năm gần đây (2021, 2022, 2023). Bằng việc liên hệ với các số liệu thực tiễn và các biện pháp chính sách cụ thể được chính phủ áp dụng, bài viết không chỉ cung cấp cái nhìn tổng quan về mối quan hệ giữa chính sách tài khóa và các chỉ số kinh tế vĩ mô, mà còn đưa ra những đánh giá sâu sắc về hiệu quả của chính sách trong việc ứng phó với các thách thức kinh tế trong bối cảnh thực tế. Từ đó, sẽ góp phần làm rõ các bài học kinh

nghiệm và đề xuất những hướng đi khả thi trong việc vận hành chính sách tài khóa ở Việt Nam trong tương lai.

I. Tổng quan về các đối tượng

1. Chính sách tài khóa

Nền kinh tế thị trường có tính chất biến động liên tục, thường xuyên và không đứng yên tại chỗ vì vậy chính phủ thường đưa ra các biện pháp ổn định nhằm điều tiết và duy trì sự cân bằng cho nền kinh tế. Những biện pháp này được gọi chung là chính sách ổn định kinh tế. Trong các công cụ ổn định của chính phủ, chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ được xem là hai trụ cột quan trọng nhất. Cả hai chính sách đều hướng đến ba mục tiêu lớn: thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, tạo ra cơ hội việc làm đầy đủ và ổn định lạm phát ở mức chấp nhận được nhằm đảm bảo sức mua của người tiêu dùng, đem lại sự phát triển cho nền kinh tế

Chính sách tài khóa là một trong các chính sách kinh tế vĩ mô quan trọng về tài chính được Chính phủ hoạch định và thực hiện, nhằm tác động đến các định hướng phát triển nền kinh tế thông qua việc chi tiêu công hoặc điều chỉnh thuế suất nhằm đạt được các mục tiêu vĩ mô. Chính phủ có thể tăng chi tiêu hoặc giảm thuế trong trường hợp cần kích thích nền kinh tế, hoặc ngược lại có thể cắt giảm chi tiêu và tăng thuế nhằm hạn chế lạm phát hoặc giảm bớt áp lực lên tổng cầu khi nền kinh tế có dấu hiệu quá nóng. Chính sách tài khóa không chỉ có ảnh hưởng đến tiết kiệm, đầu tư, và tăng trưởng kinh tế trong dài hạn, mà còn có tác động trực tiếp đến tổng cầu hàng hóa và dịch vụ trong ngắn hạn.

2. Lạm phát

Lạm phát (inflation) là hiện tượng tăng mức giá chung của hàng hóa và dịch vụ một cách liên tục trong một khoảng thời gian nhất định kèm theo là sự mất giá trị của một loại tiền tệ (bạn sẽ phải tốn nhiều tiền hơn để mua cùng một lượng hàng hóa và dịch vụ như trước).

3. Tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế là quá trình gia tăng sản lượng và giá trị của hàng hóa hay dịch vụ của một nền kinh tế thường được đo bằng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) hoặc tổng sản phẩm quốc dân (GNP) hay quy mô sản lượng quốc gia bình quân trên đầu người (PCI). Tăng trưởng kinh tế thể hiện sự mở rộng của nền kinh tế, cho thấy hiệu quả hoạt động và khả năng sản xuất của quốc gia cao hơn so với trước đây.

II. Công cụ và mục đích của chính sách tài khóa

Các công cụ chính của chính sách tài khóa là chi tiêu của chính phủ và thuế. Mức độ ảnh hưởng của thuế và chi tiêu của chính phủ có thể ảnh hưởng đến:

- Tổng cầu và mức độ hoạt động của nền kinh tế
- Kiểu phân bố nguồn lực
- Phân phối thu nhập

1. Thuế

Thuế là khoản đóng góp bắt buộc mà các cá nhân và doanh nghiệp phải nộp cho chính phủ, dựa trên các quy định pháp luật hiện hành. Thuế là nguồn thu chính của ngân sách nhà nước và được sử dụng để tài trợ cho các hoạt động công cộng, phát triển cơ sở hạ tầng, chi trả cho dịch vụ công và thực hiện các chính sách kinh tế và xã hội.

Thuế không chỉ là một công cụ để chính phủ huy động nguồn lực tài chính, mà còn là công cụ để điều tiết kinh tế và thực hiện các mục tiêu xã hội. Ví dụ, chính phủ có thể giảm thuế cho các doanh nghiệp trong một số lĩnh vực để khuyến khích đầu tư thúc đẩy phát triển kinh tế hoặc tăng thuế với những mặt hàng xa xỉ để kiểm soát nhu cầu tiêu dùng.

2. Chi tiêu chính phủ

Chi tiêu chính phủ là các khoản chi từ ngân sách nhà nước được phân bổ để thực hiện các hoạt động công đồng và cung cấp các dịch vụ thiết yếu. Đây là công cụ quan trọng trong chính sách tài khoá của chính phủ để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo công ăn việc làm, phát triển cơ sở hạ tầng và nâng cao đời sống người dân.

3. Mục tiêu của chính sách tài khoá

Chính sách tài khoá có ba mục tiêu chính:

- **Thứ nhất góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế:** Chính sách tài khoá có thể kích thích hoặc kiềm chế tăng trưởng kinh tế. Bằng cách điều chỉnh chi tiêu và thuế suất, chính phủ có thể tăng tổng cầu, thúc đẩy đầu tư và tạo động lực cho sản xuất. Điều này giúp gia tăng sản lượng kinh tế và nâng cao mức sống của người dân.
- **Thứ hai tạo việc làm và giảm thất nghiệp:** Một trong những mục tiêu quan trọng của chính sách tài khoá là tạo điều kiện cho việc làm đầy đủ. Bằng cách tăng chi tiêu công vào các dự án hạ tầng hoặc dịch vụ công, chính phủ tạo ra thêm việc làm trực tiếp và gián tiếp trong các ngành liên quan, từ đó giảm tỷ lệ thất nghiệp, tạo công ăn việc làm cho người lao động.
- **Thứ ba góp phần kiểm soát lạm phát:** Chính sách tài khoá còn nhằm giữ mức lạm phát ổn định, tránh tình trạng tăng giá quá mức gây ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế. Trong giai đoạn kinh tế tăng trưởng nhanh, chính phủ có thể sử dụng chính sách tài khoá thu hẹp (cắt giảm chi tiêu hoặc tăng thuế) để giảm tổng cầu, ngăn ngừa lạm phát và duy trì sự ổn định giá cả.

4. Phân loại chính sách tài khoá

Chính phủ có thể lựa chọn thay đổi chi tiêu hoặc thuế hoặc cả hai để mở rộng hay cắt giảm tổng cầu nhằm bình ổn nền kinh tế.

4.1. Chính sách tài khoá mở rộng

Chính sách tài khoá mở rộng là khi chính phủ tăng chi tiêu công hoặc giảm thuế để kích thích nền kinh tế. Mục đích của chính sách này là thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bằng cách làm tăng tổng cầu trong nền kinh tế. Khi chính phủ tăng chi tiêu hoặc giảm thuế, thu nhập của người dân sẽ tăng, kích thích chi tiêu và đầu tư, từ đó tạo thêm việc làm và gia tăng sản xuất.

Ví dụ: Khi đại dịch COVID-19 xảy ra, nhiều quốc gia đã áp dụng chính sách tài khoá mở rộng bằng cách tăng cường các khoản hỗ trợ tài chính cho người dân và doanh nghiệp, hoặc giảm thuế để kích cầu.

4.2. Chính sách tài khoá thu hẹp

Chính sách tài khoá thu hẹp là chính sách mà chính phủ giảm chi tiêu công hoặc tăng thuế nhằm làm giảm tổng cầu trong nền kinh tế. Mục tiêu của chính sách này là kiểm soát lạm phát, giảm bớt sức nóng của nền kinh tế khi mức độ tiêu dùng và đầu tư tăng quá nhanh, dẫn đến áp lực tăng giá.

Ví dụ: Nếu nền kinh tế có dấu hiệu lạm phát tăng cao và tổng cầu vượt quá tổng cung, chính phủ có thể áp dụng chính sách tài khoá thu hẹp bằng cách cắt giảm chi tiêu công hoặc tăng thuế nhằm giảm bớt lượng tiền trong nền kinh tế.

4.3. Chính sách tài khoá trung lập

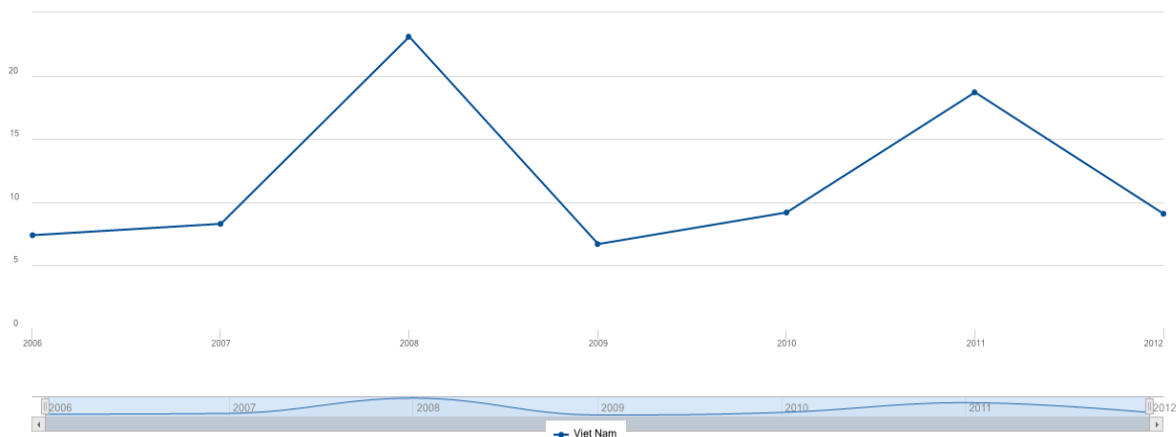
Chính sách tài khoá trung lập là một loại chính sách mà chính phủ duy trì mức chi tiêu công và thuế suất không thay đổi nhiều so với năm trước, nhằm giữ cho tổng cầu trong nền kinh tế ở mức ổn định, tránh sự can thiệp trực tiếp vào chu kỳ kinh tế. Đây là một cách tiếp cận thận trọng, không mở rộng cũng không thu hẹp, phù hợp với giai đoạn mà nền kinh tế đang tăng trưởng ổn định, lạm phát ở mức kiểm soát và tỷ lệ thất nghiệp thấp.

Ví dụ: Về chi tiêu, nếu trong năm trước, chính phủ chi tiêu 500 tỷ đô la cho các dịch vụ công cộng và hạ tầng, năm sau chi tiêu công tiếp tục duy trì ở mức 500 tỷ đô la. Chính phủ không cắt giảm cũng không tăng thêm các khoản chi mới đáng kể. Đối với thuế, chính phủ duy trì mức thuế thu nhập cá nhân và thuế doanh nghiệp ổn định, không tăng giảm thuế suất để điều chỉnh nền kinh tế.

III. Tác động của chính sách tài khóa đối với lạm phát

1. Tình trạng lạm phát tại Việt Nam từ 2007 đến nay

Tại Việt Nam, từ 2007 – 2012 là giai đoạn lạm phát cao, đỉnh điểm là mức lạm phát đạt 23,12% vào năm 2008, trên thực tiễn Việt Nam đã thành công trong việc kiềm chế lạm phát trở về mức 6,72% vào năm 2009, sau đó tăng trở lại ở mức 18,68% vào năm 2011 rồi tiếp tục giảm về 9,09% vào năm 2012.



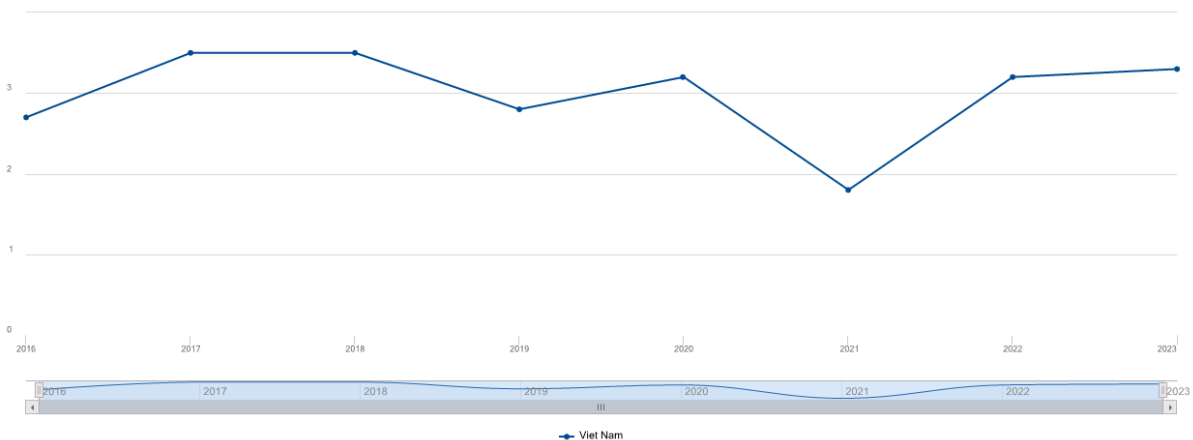
Nguyên nhân của sự lạm phát này là do lượng vốn đầu tư trong nền kinh tế vượt qua khả năng hấp thụ của nền kinh tế. Trong giai đoạn 2006 – 2008, cả ba nguồn vốn: vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI), vốn đầu tư công, vốn tín dụng ngân hàng đều gia tăng mạnh mẽ nhất là vào năm 2007.

Sau khi gia nhập tổ chức thương mại Thế giới (World Trade Organization (WTO)), lượng vốn FDI đăng ký đạt 20,3 tỉ USD, tăng 69,1% so với năm 2006 và lượng vốn thực hiện là 4,6 tỉ USD tăng 12,2% so với năm 2006.

Năm 2007, vốn đầu tư công đạt 200 nghìn tỉ đồng chiếm 43,3% tổng vốn đầu tư toàn xã hội (vốn ngoài Nhà nước chiếm 40,7%, vốn FDI chiếm 16%). So với cuối năm 2006, tổng dư nợ cho vay và đầu tư vào nền kinh tế của hệ thống ngân hàng tăng xấp xỉ 38% (năm 2005 đạt 19,2%, năm 2006 đạt 21,4%).

Để giải quyết tình trạng lạm phát cao, Chính phủ ưu tiên thắt chặt các chính sách kinh tế vĩ mô trong đó chính sách tài khóa cũng cắt giảm đầu tư công, chi phí thường xuyên. Chính phủ quyết định giữ ổn định giá cả đối với điện, xăng dầu, thuốc chữa bệnh,... Giao nhiệm vụ đảm bảo nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm, trách nhiệm kiểm giữ giá cả đối với các doanh nghiệp kinh doanh. Ngoài ra, còn cắt giảm tỉ lệ đầu tư, điều chỉnh cân đối nguồn vốn, tập trung vốn cho các công trình sắp hoàn thành. Chính phủ cũng giảm 25% kế hoạch đầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ ngoại trừ trái phiếu giáo dục điều chỉnh giảm 5,6%.

Nhờ đó tình trạng lạm phát cũng giảm dần và giữ ổn định được mức lạm phát từ năm 2016 đến nay với bình quân hằng năm luôn dưới 4%/năm.



Từ năm 2016 đến nay, Chính phủ đã điều chỉnh chi tiêu công theo hướng giảm tỉ trọng của chi thường xuyên để tăng tỉ trọng cho đầu tư công. Tỉ trọng đầu tư phát triển ở giai đoạn này đạt xấp xỉ 28% tổng chi ngân sách Nhà nước. Khả năng quản lý đầu tư công dần có tính hệ thống và hiệu quả đảm bảo cân đối nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước cũng cao hơn được thể hiện thông qua hệ số đầu tư tăng trưởng

Incremental Capital Output Ratio (ICOR). Giai đoạn 2016 – 2019 đạt 6,1 thấp hơn mức 6,3 của giai đoạn 2011 – 2015. Vào năm 2020, hệ số này tăng cao đạt đến 18,07 do tăng trưởng giảm sút khi chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19, nếu sản xuất không theo kịp nhu cầu có thể dẫn đến áp lực lạm phát khi cầu vượt quá cung, có thể thấy bình quân hệ số ICOR giai đoạn 2016 – 2020 là 8,5. Với hệ số này cho thấy nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng tương đối hiệu quả và không tạo ra lạm phát cao, sản xuất tăng đủ để đáp ứng nhu cầu.

2. Tác động của chính sách tài khóa

2.1. Tác động trực tiếp

Tăng chi tiêu công là một trong những công cụ quan trọng mà chính phủ sử dụng để điều chỉnh và phát triển nền kinh tế. Việc tăng chi tiêu công có thể mang lại nhiều lợi ích, nhưng cũng đồng thời có những rủi ro, đặc biệt là áp lực lạm phát.

Khi chính phủ tăng chi tiêu công, dẫn đến việc tăng tổng cầu trong nền kinh tế. Các khoản đầu tư vào cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục và các lĩnh vực khác không chỉ tạo ra việc làm mà còn nâng cao khả năng sản xuất của nền kinh tế. Khi mức cầu tăng lên, các doanh nghiệp sẽ cần mở rộng sản xuất để đáp ứng nhu cầu này. Các dự án xây dựng đường xá, cầu cống, cảng biển và các công trình hạ tầng khác không chỉ tạo ra việc làm mà còn nâng cao khả năng kết nối và giảm chi phí vận chuyển, từ đó thúc đẩy hoạt động kinh tế. Khi người dân có việc làm và thu nhập ổn định hơn, họ có xu hướng chi tiêu nhiều hơn, góp phần làm gia tăng tổng cầu. Bên cạnh đó, đầu tư vào giáo dục và y tế không chỉ nâng cao chất lượng cuộc sống mà còn tạo ra lực lượng lao động có tay nghề cao hơn, từ đó tăng cường năng suất lao động trong dài hạn. Nền tảng giáo dục vững chắc và hệ thống y tế tốt sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế bền vững.

Trong bối cảnh nền kinh tế đang phục hồi hoặc tăng trưởng, việc tăng chi tiêu công có thể nhanh chóng tạo ra tác động tích cực. Tuy nhiên, nếu nền kinh tế đã hoạt

động gần mức công suất tối đa, sự gia tăng tổng cầu này có thể tạo ra áp lực lạm phát. Ta có thể thấy rõ nhất qua hai hiện tượng sau:

- **Lạm Phát Cầu Kéo:** Khi chi tiêu công tăng lên, người dân và doanh nghiệp sẽ chi tiêu nhiều hơn, dẫn đến nhu cầu vượt quá khả năng cung ứng của thị trường. Khi mà các nhà sản xuất không thể mở rộng sản xuất một cách nhanh chóng để đáp ứng nhu cầu, giá cả hàng hóa và dịch vụ sẽ bắt đầu tăng lên. Đây là nguyên nhân dẫn đến lạm phát cầu kéo, khi giá cả tăng lên chủ yếu do sự gia tăng trong cầu.
- **Hiện Tượng "Thất Lưng Buộc Bụng":** Nếu lạm phát gia tăng quá mức, người tiêu dùng sẽ cảm thấy tác động tiêu cực đến sức mua của mình. Điều này có thể dẫn đến tình trạng "thất lưng buộc bụng", khi mà người tiêu dùng hạn chế chi tiêu do lo ngại về giá cả. Khi đó, tác động tích cực từ chi tiêu công có thể bị triệt tiêu. Giảm thuế là một trong những biện pháp quan trọng trong chính sách tài khóa, được chính phủ áp dụng nhằm kích thích tăng trưởng kinh tế, tăng thu nhập khả dụng cho hộ gia đình và doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc giảm thuế không chỉ mang lại lợi ích ngay lập tức mà còn có những tác động lâu dài đến nền kinh tế.
- **Giảm thuế và kích cầu tiêu dùng:** Việc giảm thuế sẽ tăng thu nhập khả dụng cho hộ gia đình và doanh nghiệp, từ đó thúc đẩy tiêu dùng và đầu tư. Điều này cũng có thể làm tăng áp lực lên giá cả và gây ra lạm phát. Ngược lại, tăng thuế có thể làm giảm tổng cầu, từ đó có thể giúp kiềm chế lạm phát. Với thu nhập khả dụng gia tăng, hộ gia đình sẽ có xu hướng chi tiêu nhiều hơn cho các mặt hàng tiêu dùng, từ thực phẩm, quần áo đến dịch vụ giải trí và du lịch. Điều này không chỉ cải thiện đời sống người dân mà còn tạo ra nguồn cầu ổn định cho nền kinh tế. Khi chi tiêu cá nhân tăng lên, các doanh nghiệp sẽ có doanh thu cao hơn, dẫn đến việc tăng cường sản xuất và mở rộng quy mô kinh doanh. Đồng thời cũng tạo động lực cho doanh nghiệp đầu tư nhiều hơn vào mở rộng sản xuất, nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. Khi doanh nghiệp thấy lợi nhuận của mình tăng lên do giảm thuế, họ có xu hướng tái

đầu tư vào các hoạt động kinh doanh, từ đó tạo ra việc làm và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Mặc dù giảm thuế có thể thúc đẩy tiêu dùng và đầu tư, nhưng nó cũng có thể dẫn đến áp lực tăng giá cả và lạm phát. Khi thuế giảm, sức mua của người tiêu dùng tăng lên, điều này có thể dẫn đến việc cầu vượt cung. Nếu sản xuất không kịp thời điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu gia tăng, giá cả hàng hóa và dịch vụ có thể bắt đầu tăng. Điều này có thể dẫn đến lạm phát cầu kéo, khi giá cả tăng chủ yếu do nhu cầu cao hơn khả năng cung ứng. Nếu chi phí sản xuất gia tăng do lạm phát, doanh nghiệp có thể phải tăng giá sản phẩm để bảo vệ lợi nhuận. Khi đó, người tiêu dùng sẽ cảm thấy tác động của giá cả tăng lên, dẫn đến tình trạng "lạm phát gây khó khăn". Người tiêu dùng có thể hạn chế chi tiêu, gây ra sự sụt giảm trong tiêu dùng và đầu tư, từ đó làm giảm hiệu quả của chính sách giảm thuế.

- **Tăng chi tiêu cho các chương trình hỗ trợ:** Chính phủ có thể triển khai các chương trình hỗ trợ như trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, và các chương trình an sinh xã hội khác. Những chương trình này nhằm mục tiêu bảo vệ và nâng cao đời sống của người dân, đặc biệt trong các thời điểm khó khăn. Khi chính phủ tăng chi tiêu cho các chương trình hỗ trợ, nó có thể tạo ra một thị trường lao động chặt chẽ hơn, với tỷ lệ thất nghiệp thấp hơn. Điều này sẽ dẫn đến áp lực tăng lương, vì các doanh nghiệp cần phải cạnh tranh để thu hút và giữ chân nhân viên. Tăng lương có thể làm gia tăng sức mua của người tiêu dùng, từ đó thúc đẩy tiêu dùng và tạo ra cầu tăng.

2.1. Tác động gián tiếp

- **Ảnh hưởng đến kỳ vọng lạm phát:** Chính sách tài khóa có thể ảnh hưởng đến kỳ vọng lạm phát của người tiêu dùng và doanh nghiệp. Nếu chính phủ có dấu hiệu chi tiêu quá mức mà không có nguồn tài trợ hợp lý, người tiêu dùng có thể dự đoán rằng lạm phát sẽ tăng, dẫn đến việc họ có xu hướng tăng giá và yêu cầu tăng

lương, tạo ra một vòng lặp tăng giá gây ra lạm phát. Chính sách tài khóa có thể dẫn đến sự thay đổi trong kỳ vọng lạm phát của người tiêu dùng. Nếu chính phủ thực hiện các chính sách chi tiêu công lớn mà không có kế hoạch tài chính rõ ràng, người tiêu dùng có thể bắt đầu cảm thấy lo ngại về khả năng gia tăng lạm phát trong tương lai.

Khi chính phủ chi tiêu quá mức mà không có nguồn tài trợ hợp lý, người tiêu dùng có thể dự đoán rằng lạm phát sẽ tăng. Họ có thể dự đoán rằng chính phủ sẽ phải in thêm tiền để tài trợ cho các khoản chi tiêu này, dẫn đến một lượng tiền tệ lớn hơn trong nền kinh tế mà không tương xứng với sự tăng trưởng của hàng hóa và dịch vụ. Khi kỳ vọng về lạm phát gia tăng, người tiêu dùng sẽ có xu hướng mua sắm nhiều hơn ngay lúc này để tránh giá cả tăng trong tương lai. Khi người tiêu dùng tin rằng lạm phát sẽ gia tăng, họ có thể yêu cầu tăng lương từ các nhà tuyển dụng để bù đắp cho sự mất giá của đồng tiền. Điều này có thể tạo ra áp lực tăng giá cho các doanh nghiệp, vì họ sẽ phải trả lương cao hơn cho nhân viên. Khi chi phí lao động tăng, các doanh nghiệp có thể buộc phải tăng giá sản phẩm để duy trì lợi nhuận, dẫn đến một vòng lặp tăng giá.

- **Ảnh hưởng đến cấu trúc cung:** Chính sách tài khóa có thể tác động đến cấu trúc cung của nền kinh tế thông qua việc hỗ trợ các ngành sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư. Nếu cung tăng lên đủ nhanh để đáp ứng nhu cầu, áp lực lên giá cả sẽ giảm, kiềm chế được lạm phát và ngược lại. Nếu cấu trúc cung của nền kinh tế tăng lên đủ nhanh để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và đầu tư, áp lực lên giá cả sẽ giảm, góp phần kiềm chế lạm phát. Như chúng ta đã biết, một nền kinh tế có khả năng cung ứng cao sẽ có thể đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng mà không gây ra áp lực lạm phát. Khi cung đủ lớn, giá cả sẽ ổn định hơn, và người tiêu dùng sẽ không phải lo ngại về việc giá cả tăng cao trong tương lai. Vì vậy, chính phủ cần tập trung vào việc đầu tư vào các lĩnh vực có tiềm năng phát triển bền vững và lâu dài, từ đó nâng cao khả năng cung ứng của nền kinh tế. Những lĩnh vực như công nghệ xanh, năng

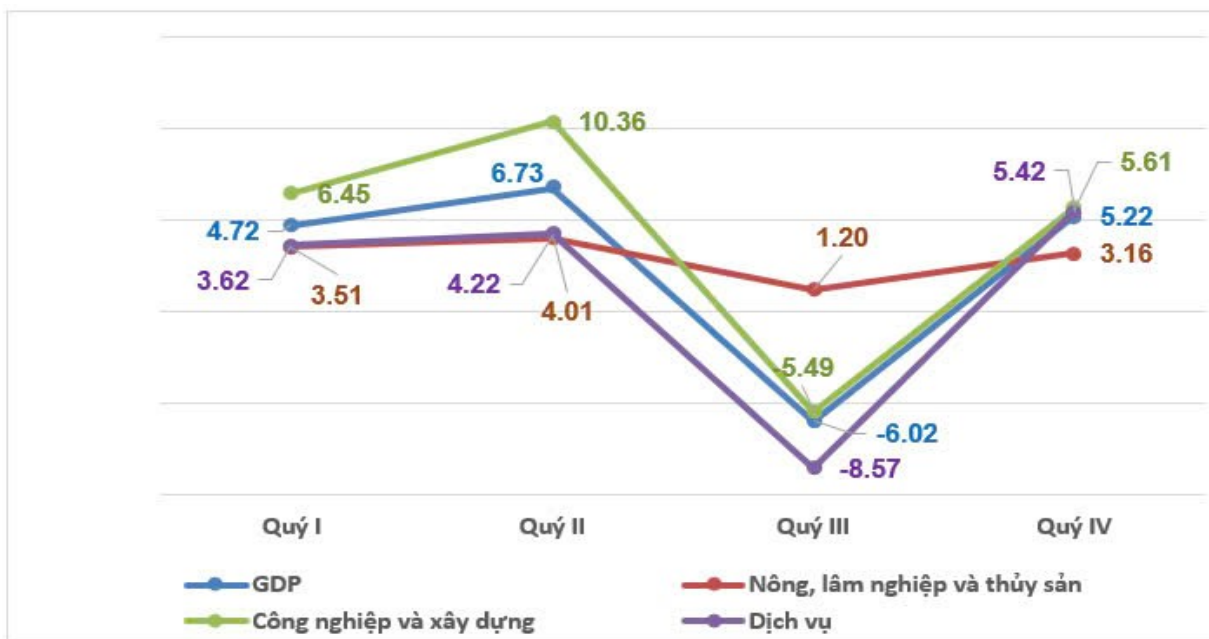
lượng tái tạo, và sản xuất bền vững sẽ không chỉ tạo ra giá trị kinh tế mà còn góp phần bảo vệ môi trường

IV. Tác động của chính sách tài khóa đến tăng trưởng kinh tế

1. Tác động của chính sách tài khóa đến tăng trưởng kinh tế

Giai đoạn từ năm 2009 đến nay. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu suy thoái, kinh tế trong nước đang đối mặt với nhiều khó khăn và chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi thị trường Việt Nam có độ mở cao. Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, lạm phát tăng, thất nghiệp cao... Nền kinh tế yếu đi, các doanh nghiệp rơi vào tình trạng suy kiệt. Một số doanh nghiệp bị phá sản, số còn lại liên tục gặp khó khăn. Cùng với xu hướng chung của thế giới, Chính phủ đã thực hiện các biện pháp điều hành quyết liệt nhằm chặn đà suy giảm kinh tế, ổn định vĩ mô và hướng tới tăng trưởng bền vững. Một trong những giải pháp chủ yếu là Chính sách tài khóa mở rộng, gồm các gói kích cầu.

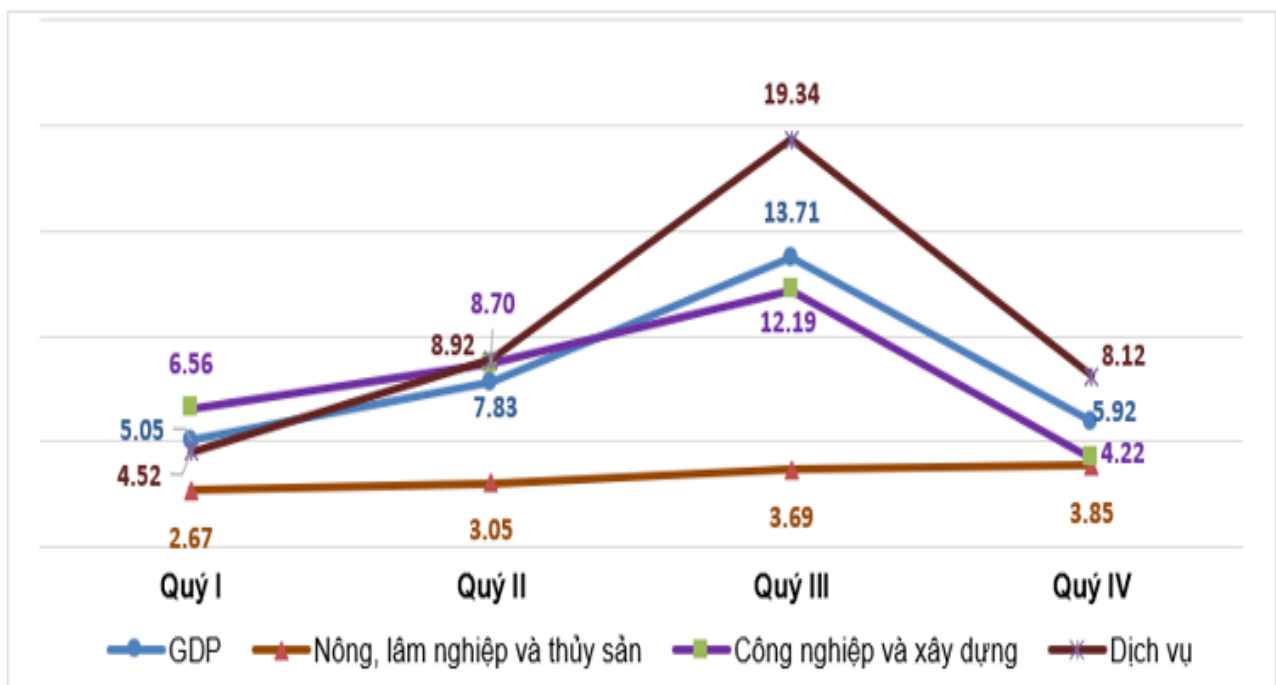
TỐC ĐỘ TĂNG/GIẢM GDP CÁC QUÝ NĂM 2021



Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

Năm 2021, làn sóng COVID-19 lần thứ 4 khiến nhiều địa phương trên cả nước phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài, sản xuất bị đình trệ, chuỗi cung ứng đứt gãy, các chỉ số chính của nền kinh tế đều sụt giảm, sức mua của người dân giảm mạnh, đời sống bị ảnh hưởng nghiêm trọng, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao. Kinh tế Việt Nam vẫn duy trì được mức tăng trưởng dương, đặc biệt quý IV có sự hồi phục đáng kể. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam tăng 2,58%, thấp hơn mức 2,91% của năm 2020 và cũng là mức tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây.

TỐC ĐỘ TĂNG/GIẢM GDP CÁC QUÝ TRONG NĂM 2022

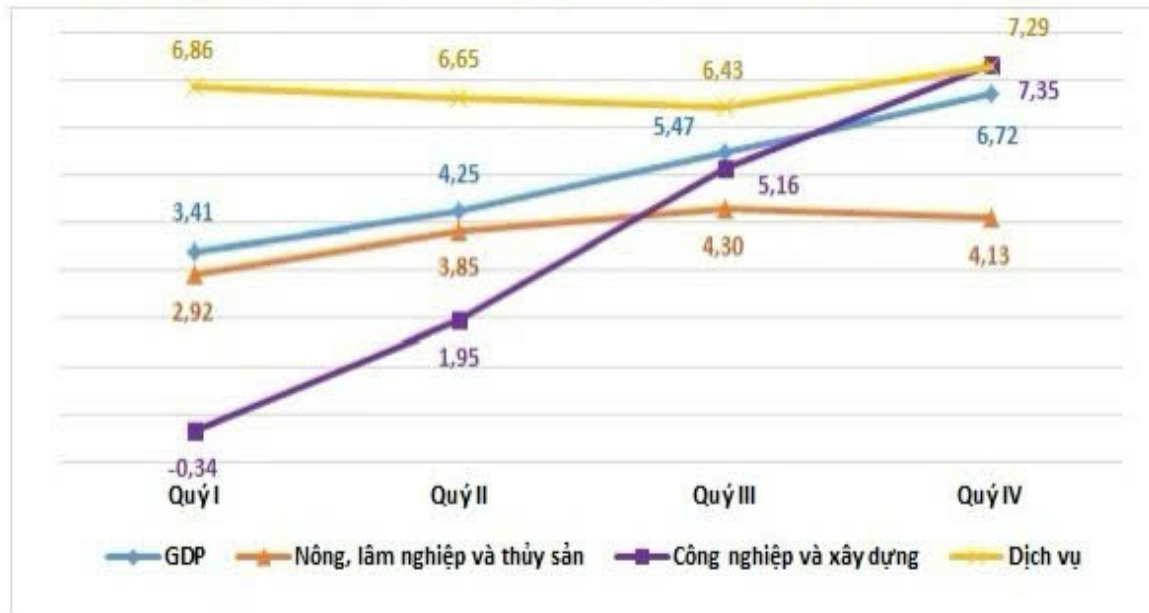


Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

Tốc độ tăng trưởng GDP có xu hướng tăng từ Quý I đến Quý III, đạt đỉnh vào Quý III với mức tăng khoảng 13,71%, sau đó giảm trở lại còn 4,22% vào Quý IV. Điều này cho thấy GDP có sự phục hồi và tăng trưởng mạnh vào giữa năm, có thể

do các chính sách thúc đẩy kinh tế hoặc yếu tố mùa vụ, nhưng sau đó chậm lại vào cuối năm. Biểu đồ này phản ánh sự phục hồi kinh tế mạnh mẽ sau những khó khăn trước đó, nhưng cũng cho thấy những thách thức trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định.

TỐC ĐỘ TĂNG/GIẢM GDP CÁC QUÝ TRONG NĂM 2023

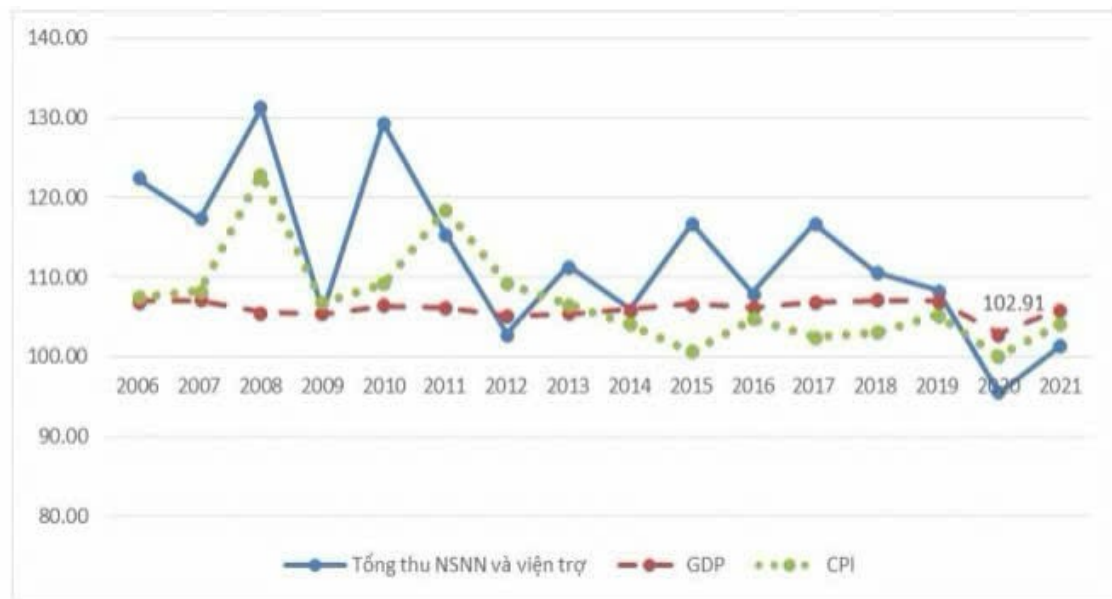


Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

Trong năm 2023, GDP tổng quát của Việt Nam tăng trưởng ổn định qua các quý, từ 3,41% ở Quý I lên 7,29% ở Quý IV. Quý I tăng trưởng thấp do nền kinh tế cần thời gian phục hồi sau đại dịch và nhu cầu tiêu dùng đầu năm chưa cao. Quý II GDP tăng lên 4,25%, nhờ vào quá trình hồi phục sản xuất và đầu tư công. Quý III đạt 5,16%, phản ánh sức bật mạnh mẽ trước mùa tiêu dùng cuối năm. Quý IV tăng mạnh nhất với 7,29%, nhờ tăng trưởng xuất khẩu, đầu tư công, và nhu cầu tiêu dùng cao. Tổng thể, GDP năm 2023 cho thấy nền kinh tế Việt Nam đã phục hồi vững chắc sau đại dịch, với sự tăng trưởng rõ rệt trong nửa cuối năm.

Trong điều kiện bình thường, chính sách tài khóa giúp kinh tế tăng trưởng vượt trội bằng việc điều chỉnh tổng cầu tăng, khi kinh tế suy thoái hoặc phát triển quá mức thì điều chỉnh tổng cầu giảm xuống đưa nền kinh tế về lại trạng thái cân bằng. Hỗ trợ Chính phủ trong việc phân bổ hiệu quả các nguồn lực kinh tế thông qua hai công cụ: chi tiêu Chính phủ và thuế. Từ đó, Nhà nước có thể tập trung vào phát triển các lĩnh vực trọng tâm khác của đất nước. Thực hiện chức năng phân phối và tái phân phối GNP (tổng sản phẩm quốc dân), điều chỉnh phân phối thu nhập, cơ hội, tài sản, các rủi ro thị trường... tạo lập nên xã hội ổn định, môi trường an toàn cho tăng trưởng đầu tư và phát triển.

TỐC ĐỘ TĂNG THU NSNN, TĂNG GDP VÀ CPI SO HÀNG NĂM



Nguồn: số liệu Bộ Tài chính và TCTK

Trong năm 2021, biểu đồ cho thấy tổng thu NSNN (bao gồm viện trợ) tăng mạnh, đạt 102,91%. Đây là dấu hiệu cho thấy chính sách tài khóa đã được thực hiện để gia tăng thu NSNN, có thể qua các biện pháp thuế, phí, hoặc viện trợ. Điều này thể hiện nỗ lực của chính phủ trong việc tăng cường nguồn thu để đối

phó với các khó khăn kinh tế do đại dịch COVID-19. chính sách tài khóa của Việt Nam đã đóng vai trò quan trọng trong việc ổn định kinh tế, tăng nguồn thu NSNN, duy trì tăng trưởng GDP ổn định và kiểm soát lạm phát trong bối cảnh đối mặt với nhiều thách thức từ đại dịch COVID-19.

2. Chính sách tài khóa tác động đến tăng trưởng kinh tế qua những khía cạnh

2.1 Kích thích tổng cầu thông qua chi tiêu công

Chi tiêu công là cách thức trực tiếp mà chính phủ có thể tạo ra nhu cầu mới trong nền kinh tế. Khi chính phủ đầu tư vào các dự án cơ sở hạ tầng như xây dựng đường, cầu, trường học và bệnh viện, điều này không chỉ tạo ra công việc mà còn kích thích nhu cầu cho nguyên vật liệu, thiết bị và dịch vụ. Các dự án cơ sở hạ tầng lớn như xây dựng đường cao tốc hay cầu nổi không chỉ tạo ra hàng triệu việc làm trực tiếp cho công nhân mà còn thúc đẩy các ngành nghề liên quan như sản xuất vật liệu xây dựng, giao thông vận tải, và dịch vụ kỹ thuật. Khi những người lao động nhận lương từ các dự án này, họ sẽ chi tiêu cho hàng hóa và dịch vụ, tạo ra một vòng xoáy tích cực trong nền kinh tế. Chi tiêu công cũng bao gồm việc cung cấp dịch vụ công như y tế, giáo dục và an sinh xã hội. Khi chính phủ tăng cường đầu tư vào các lĩnh vực này, nó không chỉ cải thiện chất lượng cuộc sống mà còn tạo ra nhu cầu mới cho các dịch vụ hỗ trợ, từ giáo viên đến bác sĩ và nhân viên chăm sóc xã hội.

Khi chính phủ tăng cường chi tiêu công, sẽ dẫn đến việc tạo ra nhiều việc làm hơn trong nền kinh tế. Việc làm được tạo ra từ các dự án chi tiêu công sẽ giúp giảm tỷ lệ thất nghiệp. Khi người dân có việc làm, thu nhập của họ tăng lên, từ đó họ có khả năng chi tiêu nhiều hơn. Điều này góp phần vào việc gia tăng tổng cầu trong

nền kinh tế. Vậy Chi tiêu công có thể giúp kích thích tăng trưởng kinh tế nhanh chóng.

Khi tổng cầu gia tăng, doanh thu của các doanh nghiệp sẽ tăng, từ đó dẫn đến sự gia tăng tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Tăng trưởng GDP sẽ tạo điều kiện cho chính phủ có thêm nguồn lực để tiếp tục đầu tư vào các chương trình xã hội và phát triển cơ sở hạ tầng, tạo ra một vòng lặp tích cực. Khi tổng cầu gia tăng, điều này thường dẫn đến việc người tiêu dùng chi tiêu nhiều hơn cho hàng hóa và dịch vụ. Sự gia tăng này không chỉ xuất phát từ việc người tiêu dùng có thu nhập khả dụng cao hơn mà còn từ kỳ vọng lạc quan về tương lai kinh tế. Các doanh nghiệp, khi nhận thấy nhu cầu tăng cao, sẽ có động lực mở rộng sản xuất và mở rộng thị trường. Bên cạnh đó, chúng ta không thể không kể đến việc gia tăng dây chuyền sản xuất, ra mắt sản phẩm mới hoặc cải thiện chất lượng dịch vụ. Khi doanh thu tăng, doanh nghiệp sẽ có thêm nguồn lực để tái đầu tư vào hoạt động sản xuất. Sự gia tăng tổng cầu cũng kích thích cạnh tranh giữa các doanh nghiệp. Các công ty sẽ phải cải thiện chất lượng sản phẩm và dịch vụ của mình để thu hút khách hàng đồng thời nâng cao chất lượng hàng hóa trên thị trường, tạo ra lợi ích cho người tiêu dùng.

Mặc dù chi tiêu công có thể có nhiều tác động tích cực, nhưng nó cũng đi kèm với những thách thức và hạn chế. Khi chính phủ tăng cường chi tiêu mà không có nguồn tài trợ hợp lý, điều này có thể dẫn đến việc gia tăng nợ công. Nợ công cao có thể ảnh hưởng đến khả năng của chính phủ trong việc thực hiện các chương trình xã hội và đầu tư trong tương lai. Bên cạnh đó, chi tiêu công có thể bị lãng phí hoặc không được quản lý tốt, dẫn đến các dự án không đạt yêu cầu. Tham nhũng trong các dự án chi tiêu công có thể làm giảm hiệu quả của việc đầu tư và làm mất lòng tin của người dân vào chính phủ.

2.2 Chính sách thuế

Giảm thuế có thể làm tăng thu nhập khả dụng, khuyến khích tiêu dùng và đầu tư. Ngược lại, tăng thuế có thể hạn chế chi tiêu và làm giảm sức mua của người dân và doanh nghiệp. Việc giảm thuế sẽ khiến người tiêu dùng sẽ có nhiều tiền hơn để chi tiêu cho hàng hóa và dịch vụ, dẫn đến sự gia tăng tổng cầu trong nền kinh tế. Sự tăng trưởng này không chỉ kích thích nhu cầu mà còn tạo điều kiện cho doanh nghiệp mở rộng sản xuất, họ đầu tư vào mở rộng sản xuất, nâng cao công nghệ và cải thiện chất lượng sản phẩm. Khi doanh nghiệp cảm thấy có lợi nhuận, họ sẽ có động lực để tuyển dụng thêm nhân viên, từ đó tạo ra nhiều việc làm hơn cho xã hội.

2.3 Chính sách cân bằng ngân sách nhà nước

Cân bằng ngân sách cũng là một động lực để phát triển kinh tế nhưng nó cũng mang nhiều hệ lụy. Như chính sách tài khóa có thể ảnh hưởng đến thâm hụt ngân sách. Thâm hụt cao có thể dẫn đến tăng lãi suất và ảnh hưởng tiêu cực đến đầu tư tư nhân, trong khi ngân sách cân bằng có thể tạo điều kiện ổn định kinh tế. Thâm hụt ngân sách xảy ra khi chi tiêu công vượt quá doanh thu từ thuế. Mặc dù thâm hụt có thể được sử dụng để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn, nhưng nếu không được quản lý chặt chẽ, nó có thể dẫn đến một số hệ lụy tiêu cực. Thâm hụt ngân sách cao thường dẫn đến việc chính phủ phải vay mượn để bù đắp, từ đó làm tăng lãi suất. Lãi suất cao sẽ làm tăng chi phí vay mượn cho cả doanh nghiệp và người tiêu dùng, khiến họ có thể quyết định cắt giảm chi tiêu và đầu tư. Khi lãi suất tăng, doanh nghiệp sẽ phải đối mặt với chi phí vay mượn cao hơn. Điều này có thể làm giảm khả năng đầu tư vào mở rộng sản xuất hoặc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, dẫn đến sự giảm sút trong khả năng cạnh tranh của nền kinh tế.

Và cuối cùng ổn định kinh tế là mục tiêu lâu dài để tạo sự cân bằng từ đó góp phần làm thúc đẩy sự phát triển. Trong thời kỳ suy thoái, chính sách tài khóa mở rộng (tăng chi tiêu hoặc giảm thuế) có thể giúp phục hồi nền kinh tế. Ngược lại,

trong giai đoạn tăng trưởng mạnh, chính sách tài khóa thắt chặt có thể kiểm soát lạm phát. Ngân sách cân bằng giúp chính phủ duy trì sự ổn định kinh tế. Khi không phải đối mặt với thâm hụt, chính phủ có thể sử dụng các nguồn lực tài chính của mình để đầu tư vào các chương trình xã hội, cơ sở hạ tầng và các dự án phát triển bền vững mà không phải lo lắng về nợ công tăng cao. Một ngân sách cân bằng tạo ra sự tin tưởng cho các nhà đầu tư, cả trong và ngoài nước. Khi họ thấy rằng chính phủ đang quản lý ngân sách hiệu quả, họ có xu hướng đầu tư nhiều hơn vào nền kinh tế, từ đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng

V. Liên hệ thực tiễn: Tác động của chính sách tài khóa đến lạm phát và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam trong 3 năm gần đây

1. Tác động của chính sách tài khóa đến lạm phát

Trong giai đoạn 2021-2023, Việt Nam chịu nhiều tác động từ các yếu tố toàn cầu như đại dịch COVID-19, gián đoạn chuỗi cung ứng và cuộc xung đột Nga-Ukraine, dẫn đến tình trạng lạm phát gia tăng. Tuy nhiên, nhờ những biện pháp tài khóa linh hoạt và kịp thời của Chính phủ, lạm phát trong nước vẫn được kiểm soát ở mức hợp lý so với nhiều quốc gia khác.

- **Năm 2021**, Khi dịch COVID-19 bùng phát mạnh và các biện pháp giãn cách xã hội nghiêm ngặt được áp dụng, nền kinh tế Việt Nam đối mặt với nhiều khó khăn. Chuỗi cung ứng bị đứt gãy, hoạt động sản xuất kinh doanh đình trệ, và giá cả hàng hóa, dịch vụ tăng cao. Tuy nhiên, nhờ các chính sách kinh tế vĩ mô thận trọng, bao gồm các biện pháp miễn, giảm thuế và hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp, lạm phát của Việt Nam chỉ ở mức 1,84%, thấp hơn nhiều so với các quốc gia khác trong khu vực. Điều này cho thấy chính phủ đã điều chỉnh tài khóa hiệu quả, giữ cho nền kinh tế không bị quá tải bởi áp lực giá cả.

Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nhiều mặt hàng được quản lý để giữ giá ổn định, không tăng giá nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Cụ thể, giá điện đã được giảm trong 3 đợt theo các Nghị quyết của Chính phủ, giá nước sạch sinh hoạt cũng được tiếp tục giảm trong đợt 2. Giá dịch vụ bưu chính viễn thông cơ bản giữ ổn định, với một số gói hỗ trợ để giảm cước viễn thông, nhằm giảm bớt khó khăn cho người dân và các đối tượng bị ảnh hưởng bởi Covid-19. Nhờ những nỗ lực này, trong năm 2021, chỉ số giá các mặt hàng khác dao động nhẹ, với nhóm văn hóa, giải trí và dịch vụ giảm 0,91%, còn nhóm ngành giáo dục tăng 1,85%.

Các doanh nghiệp đã dần thích ứng với trạng thái “bình thường mới”, ổn định sản xuất, kinh doanh. Nhờ sự nỗ lực của doanh nghiệp và những tác động từ các chính sách hỗ trợ của Chính phủ, doanh nghiệp đã khắc phục được khó khăn, khôi phục sản xuất trở lại và mang lại kết quả kinh doanh tích cực. Lạm phát bình quân năm 2021 tăng 0,81% so với bình quân năm 2020. Chỉ số tiêu dùng (CPI) năm 2021 chỉ tăng 1,84% so với năm 2020 và là mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016, góp phần không nhỏ vào ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện cho Chính phủ thực hiện nhiều chính sách tài khóa trong hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và cả nền kinh tế.

Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiềm chế, tỷ giá ít biến động đã giúp cho Việt Nam tiếp tục là điểm đến đầy hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư đạt trên 31 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm 2020.

- **Năm 2022**, Lạm phát năm 2022 chịu nhiều áp lực từ diễn biến phức tạp, khó lường của thị trường quốc tế và trong nước. Giá năng lượng, hàng hóa cơ bản... toàn cầu tăng mạnh đã ảnh hưởng tiêu cực đến giá hàng hóa trong nước của Việt Nam; cùng với nhu cầu sản xuất, tiêu dùng trong nước phục hồi sau giai đoạn dịch COVID-19 khiến lạm phát diễn biến theo xu hướng tăng (lạm phát so với cùng kỳ

tăng nhanh từ mức 1,94% trong tháng 01/2022 lên mức 4,55% trong tháng 12/2022). Mặc dù áp lực gia tăng nhưng tính chung cả năm, lạm phát trong tầm kiểm soát, bình quân là 3,15% - phù hợp với mục tiêu

Chính phủ hoãn lộ trình điều chỉnh giá một số hàng hóa, dịch vụ Nhà nước quản lý (điện, y tế, giáo dục...) nhằm tiếp tục hỗ trợ người dân, doanh nghiệp; Thực hiện đồng bộ các giải pháp về thuế, nguồn cung, hỗ trợ giá... nhằm giảm bớt áp lực lạm phát như: giảm thuế giá trị gia tăng đối với một số nhóm hàng hóa và dịch vụ từ 10% xuống 8% từ ngày 01/02/2022; giảm 50% mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022; giảm mức thu 37 khoản phí, lệ phí trong 6 tháng đầu năm 2022; giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu

Việc điều hành CSTK chủ động, linh hoạt, thận trọng và kịp thời của NHNN, cùng với sự kiên định và thành công của Chính phủ trong việc đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát những năm gần đây đã giúp kiềm chế áp lực tăng kỳ vọng lạm phát của nền kinh tế.

- **Năm 2023**, Lạm phát bình quân của Việt Nam tăng 3,25%, đạt mục tiêu do Quốc hội đề ra là kiểm soát lạm phát ở mức 4,5%. Đây là năm thứ 12 liên tiếp Việt Nam duy trì được mức lạm phát một con số kể từ sau khi lạm phát tăng cao năm 2011, góp phần đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng kinh tế bền vững, củng cố niềm tin của người dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư nước ngoài vào đồng nội tệ và môi trường kinh doanh tại Việt Nam. Thành công trong kiểm soát lạm phát là kết quả của sự phối hợp đồng bộ giữa chính sách tiền tệ (CSTT), chính sách tài khóa (CSTK) và các chính sách kinh tế vĩ mô khác

Song hành cùng CSTT theo hướng hỗ trợ thì CSTK cũng được triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm thông qua các chính sách gia hạn thời hạn nộp thuế, giảm

lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất trong nước, giảm 2% thuế giá trị gia tăng (VAT), giảm tiền thuê đất¹, giúp doanh nghiệp, người dân giảm bớt khó khăn, tiết giảm chi phí, qua đó, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát

2. Tác động của chính sách tài khóa đến tăng trưởng kinh tế

Chính sách tài khóa đã có tác động quan trọng đến quá trình phục hồi và tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong 3 năm qua, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch và các yếu tố toàn cầu. Trong giai đoạn 2021-2023, Việt Nam phải đối mặt với nhiều yếu tố toàn cầu tác động đến lạm phát, bao gồm đại dịch COVID-19, gián đoạn chuỗi cung ứng và cuộc xung đột Nga-Ukraine. Dù vậy, nhờ chính sách tài khóa linh hoạt, lạm phát tại Việt Nam vẫn được kiểm soát ở mức tương đối tốt so với nhiều nước khác trên thế giới.

- **Năm 2021**, Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam chỉ đạt 2,58%, mức thấp nhất kể từ khi đất nước tiến hành đổi mới. Các biện pháp tài khóa như giảm thuế, gia hạn thời hạn nộp thuế và các gói hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp đã giúp nền kinh tế không rơi vào suy thoái sâu hơn. Tuy vậy, do ảnh hưởng của các đợt bùng phát dịch COVID-19, các biện pháp này chỉ có thể giữ cho nền kinh tế hoạt động ở mức tối thiểu.

Về thu NSNN: Chủ động đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách miễn giảm thuế, tiền thuê đất, phí và lệ phí ,... Nhằm tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân. Kết quả đã hỗ trợ khoảng 121,5 nghìn doanh nghiệp và 19,1 nghìn hộ gia đình đang gặp khó khăn do tác động của COVID-19 với số tiền khoảng 123,4 nghìn tỷ đồng.

Về chi NSNN: Quán triệt quan điểm tập trung ưu tiên cho phòng chống dịch COVID-19, nỗ lực kiểm soát định bệnh và đảm bảo an sinh xã hội cho người dân. Đến hết năm 2021 NSNN đã chi 99,2 nghìn tỷ đồng cho phòng chống dịch bệnh và

hỗ trợ người dân. Thành lập quỹ vắc-xin phòng COVID-19 với số tiền đạt khoảng 8,8 nghìn tỷ đồng. Hỗ trợ quỹ bảo hiểm cho người dân khoảng 43,37 nghìn tỷ đồng.

Với các chính sách tài khoá nêu trên, tình hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2021 đã có dấu hiệu khả quan, tăng trưởng cả năm chỉ đạt 2,58% (kế hoạch là 6-6,5%) song kinh tế vẫn tiếp tục ổn định, các cân đối lớn của kinh tế ổn định; kết quả thu , chi NSNN vượt dự toán năm 2021, trong đó thu NSNN vượt 16,8% (tăng 3,8% so với năm 2020) và bội chi NSNN 3,41% (thấp hơn bội chi dự toán là 4%). Từ đó hoạt động kinh doanh sản xuất trở lại trạng thái bình thường và tình hình kinh tế xã hội duy trì ổn định và khởi sắc trong năm 2021.

Bên cạnh đó, vẫn còn những vấn đề tồn tại như: (1) việc giải ngân vốn đầu tư công, trong đó có nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ, tiếp tục chậm do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, như chưa giao hoặc giao thừa kế hoạch vốn; chưa hoàn thành thủ tục đầu tư để điều chỉnh dự án, hiệp định và đảm bảo. (2) Cơ chế huy động vốn thông qua đàm phán ký kết các hiệp định vay nước ngoài hiện nay có sự bất cập, nhất là sự hài hòa giữa quy định pháp luật trong nước và chính sách của nhà tài trợ. (3) Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ so với thu NSNN được điều hành, đảm bảo trong phạm vi mức trần Quốc hội phê duyệt. Tuy nhiên, trước áp lực huy động vốn tăng nhanh, rủi ro nợ của Chính phủ có thể gia tăng.

Năm 2022, Chính sách tài khoá được điều hành theo hướng nói lỏng, tập trung vào các trọng điểm, nhằm mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và đảm bảo an sinh xã hội. Mục đích là để ứng phó hiệu quả và kịp thời với những biến động phức tạp từ cả trong nước và quốc tế, đồng thời cân đối và đảm bảo nguồn lực hỗ trợ cho quá trình phục hồi và phát triển kinh tế.

Về thu NSNN: Để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân, hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, kiểm soát lạm phát, Bộ Tài chính đã ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành kịp thời, đồng bộ và tổ chức triển khai thực hiện các chính sách tài khóa như: Miễn, giảm thuế, gia hạn thời hạn nộp thuế, phí, tiền thuê đất và các khoản thu khác của NSNN tập trung vào các đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19; chính sách tín dụng ưu đãi qua Ngân hàng Chính sách xã hội: chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đồng thời, chủ động phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện các chính sách như: Hỗ trợ lãi suất tín dụng vay Ngân hàng thương mại cho các doanh nghiệp; chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động. Ban hành chính sách giảm thuế bảo vệ môi trường các mặt hàng xăng dầu

Tính đến hết năm 2022, tổng số tiền thuế, tiền thuê đất, phí và lệ phí đã được miễn, giảm, gia hạn khoảng 200,3 nghìn tỷ đồng, trong đó: Số tiền thuế gia hạn khoảng 110,7 nghìn tỷ đồng, bằng 82,0% số dự kiến gia hạn khi xây dựng chính sách (135 nghìn tỷ đồng) số tiền miễn, giảm khoảng 89,6 nghìn tỷ đồng

Về chi NSNN: Quản lý chặt chẽ, chủ động, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, tập trung ưu tiên nguồn lực cho chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội, phòng chống dịch bệnh và đảm bảo an sinh xã hội cho nhân dân cả nước.

Năm 2023

Mặc dù nền kinh tế toàn cầu suy thoái và nhu cầu xuất khẩu giảm, Việt Nam vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng 5% chính phủ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công với tỷ lệ chi cho đầu tư công lên tới 5,7% GDP, nhằm bù đắp cho sự giảm sút trong tiêu dùng tư nhân và xuất khẩu. Mặc dù vậy, những rào cản về thủ tục giải phóng mặt bằng, đấu thầu và tái định cư đã ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn đầu tư công. Dù đầu

tư công khởi sắc, nhưng việc chưa hoàn thành dự toán chi đầu tư đã tạo ra những thách thức lớn cho tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn này.

Về thu NSNN: Theo số liệu của Bộ Tài chính, tổng thu ngân sách nhà nước năm 2023 ước đạt 1.752,5 nghìn tỷ đồng, bằng 108,13% dự toán năm 2023 (trong đó, ngân sách trung ương đạt 105,9% dự toán; ngân sách địa phương đạt 110,6% dự toán), bằng 96,53% so với ước thực hiện năm 2022 (hình 1). Mức thu này đã đạt tỷ lệ động viên vào ngân sách nhà nước khoảng 17,14% GDP (năm 2022 đạt 19,08%, năm 2021 đạt 18,77%, năm 2020 đạt 18,78%).

Về chi NSNN: Công tác chi NSNN năm 2023 đã được thực hiện theo dự toán, đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước và thanh toán các khoản nợ đến hạn, đảm bảo kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ chi an sinh xã hội, chăm lo cho các đối tượng hưởng lương, lương hưu và trợ cấp xã hội từ ngân sách nhà nước...

Theo thông tin từ Bộ Tài chính, tổng chi ngân sách nhà nước năm 2023 ước đạt 1.731,9 nghìn tỷ đồng (bằng 83,4% dự toán năm và tăng 10,9% so với năm trước). Trong đó, chi thường xuyên năm 2023 ước đạt 1.058,6 nghìn tỷ đồng (bằng 90,3% dự toán năm và tăng 3,2% so với năm trước); chi đầu tư phát triển đạt 579,8 nghìn tỷ đồng (bằng 79,8% và tăng 33,1%); chi trả nợ lãi 90,1 nghìn tỷ đồng (bằng 87,6% và giảm 7,6%).

Các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước được thực hiện theo dự toán, xử lý kịp thời các nhiệm vụ đột xuất phát sinh về phòng chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội, chăm lo cho các đối tượng hưởng lương, lương hưu và trợ cấp xã hội từ ngân sách nhà nước cho thấy quyết tâm của chính phủ trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Sự tăng trưởng 10,9% so với năm trước, cùng với việc tăng lương tối thiểu và lương hưu, không chỉ cải

thiện đời sống người dân mà còn kích thích tiêu dùng và ổn định xã hội. Những biện pháp này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho tăng trưởng bền vững trong tương lai.

Kết luận:

Chính sách tài khóa trong 3 năm qua tại Việt Nam đã đóng góp đáng kể vào việc kiểm soát lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ngay cả khi đối mặt với nhiều thách thức toàn cầu như đại dịch COVID-19 và cuộc xung đột Nga-Ukraine. Chính phủ đã linh hoạt điều chỉnh các biện pháp tài khóa để giảm thiểu tác động của giá cả tăng cao lên người dân và doanh nghiệp, đồng thời duy trì đà tăng trưởng kinh tế.

Nhờ đó, mặc dù lạm phát gia tăng ở nhiều quốc gia trên thế giới, Việt Nam đã giữ được sự ổn định và kiểm soát tốt mức lạm phát, đồng thời đạt được tăng trưởng kinh tế ấn tượng trong giai đoạn khó khăn này. Những biện pháp tài khóa như hỗ trợ doanh nghiệp, giảm thuế, và đẩy mạnh đầu tư công đã giúp nền kinh tế phục hồi nhanh chóng và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong tương lai. Mặc dù vậy, tiến độ giải ngân vốn đầu tư công vẫn chậm, ảnh hưởng đến hiệu quả của các chương trình phục hồi kinh tế và các mục tiêu tăng trưởng đã đề ra. Ngoài ra, chính sách tài khóa cũng đã có những bước tiến đáng kể trong quản lý chi tiêu công, bao gồm việc kiểm soát chặt chẽ nợ công, thực hiện cải cách hành chính và tăng cường kỷ luật tài chính.

VI. Cơ hội và thách thức của chính sách tài khóa của Việt Nam

Chính sách tài khóa đóng vai trò quan trọng trong việc điều tiết nền kinh tế, đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững. Tại Việt Nam, chính sách tài khóa đã trải qua nhiều giai đoạn cải cách nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội to lớn, chính sách này cũng gặp không ít thách thức.

1. Cơ hội

Chính sách tài khóa có thể được sử dụng như một công cụ để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua việc tăng cường đầu tư công. Việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng, giáo dục và y tế không chỉ tạo ra việc làm mà còn nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Trong bối cảnh Việt Nam đang trong quá trình phát triển, chính sách tài khóa linh hoạt có thể khai thác tối đa các nguồn lực, giúp nền kinh tế phục hồi nhanh chóng sau đại dịch COVID-19. Ngoài ra, còn là cơ sở để Việt Nam có thể tham gia vào các hiệp định thương mại tự do (FTA) như CPTPP, EVFTA, và RCEP. Chính sách tài khóa có thể tận dụng những cơ hội này để thu hút đầu tư nước ngoài, phát triển ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Việc điều chỉnh thuế suất và các chính sách ưu đãi có thể khuyến khích doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư vào Việt Nam.

Chính phủ Việt Nam đang nỗ lực cải cách hệ thống thuế để tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi hơn. Việc đơn giản hóa thủ tục thuế, giảm thuế suất cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, và cải cách chính sách thuế tài sản sẽ tạo động lực cho doanh nghiệp phát triển và tăng cường nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

2. Thách thức

Mặc dù chính sách tài khóa có thể hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, nhưng việc tăng cường đầu tư công cũng dẫn đến nguy cơ nợ công gia tăng. Theo số liệu, nợ công của Việt Nam đã tăng lên mức cao trong những năm qua, đe dọa đến ổn định tài chính. Việc kiểm soát nợ công và đảm bảo rằng các khoản vay được sử dụng hiệu quả là một thách thức lớn đối với chính sách tài khóa. Nhưng bên cạnh đó, một trong những thách thức lớn nhất trong chính sách tài khóa tại Việt Nam là vấn đề minh bạch và quản lý tài chính công. Việc quản lý chi tiêu công còn nhiều bất cập,

dẫn đến tình trạng lãng phí và tham nhũng. Thiếu minh bạch trong quy trình phân bổ ngân sách có thể tạo ra sự không tin tưởng từ phía người dân và các nhà đầu tư

Chính sách tài khóa có thể chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển không đồng đều giữa các khu vực. Khu vực đô thị thường được ưu tiên hơn trong việc phân bổ ngân sách, trong khi các vùng nông thôn và miền núi vẫn gặp khó khăn trong phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ công. Điều này tạo ra sự chênh lệch lớn trong phát triển kinh tế và xã hội. Ngoài ra, chính sách tài khóa của Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng từ biến động kinh tế toàn cầu. Tình hình kinh tế thế giới không ổn định, giá dầu và hàng hóa có thể ảnh hưởng đến thu ngân sách và tăng trưởng kinh tế. Chính sách tài khóa cần phải linh hoạt và thích ứng với những thay đổi này để đảm bảo sự ổn định và phát triển.

VII. Những bài học cho chính sách tài khóa trong tương lai

Dựa trên các kết quả thực tiễn, có thể rút ra một số bài học chính cho chính sách tài khóa tại Việt Nam trong tương lai:

Hoàn thiện thể chế và hệ thống pháp luật: Cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật về thu ngân sách nhà nước (NSNN), mở rộng cơ sở thuế và đảm bảo đồng bộ với các thông lệ quốc tế. Việc tăng cường quản lý thu thuế, chống thất thu, chống chuyển giá và xử lý nợ thuế cũng cần được đẩy mạnh hơn nữa để bảo đảm nguồn thu bền vững.

Tăng cường hiệu quả quản lý chi NSNN: Quản lý chi ngân sách cần được thực hiện chặt chẽ, tiết kiệm, đặc biệt là trong chi đầu tư công. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân đầu tư công là yếu tố then chốt để đảm bảo các nguồn lực được sử dụng hiệu quả và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Cần có các biện pháp phân bổ nguồn lực phù hợp, tập trung vào các công trình quan trọng và cấp bách, đồng thời cải cách quản lý chi thường xuyên để tăng cường tính tự chủ cho các địa phương và ngành.

Kiểm soát nợ công và bội chi NSNN: Duy trì kỷ luật tài chính, kiểm soát bội chi và nợ công trong ngưỡng an toàn là yêu cầu hàng đầu nhằm đảm bảo sự ổn định vĩ mô và bền vững tài chính. Điều này đòi hỏi sự cơ cấu lại danh mục nợ theo hướng bền vững, đồng thời tiếp tục thực hiện các biện pháp tiết kiệm và quản lý hiệu quả chi tiêu công.

Ứng phó với các biến động toàn cầu: Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu bất ổn, Việt Nam cần tiếp tục duy trì chính sách tài khóa linh hoạt để đối phó với những thách thức như lạm phát, suy thoái kinh tế và biến đổi khí hậu. Cần có các điều chỉnh kịp thời trong dự báo thu, chi ngân sách để tận dụng tốt hơn các không gian tài khóa còn lại và tránh việc phụ thuộc quá mức vào nợ công.

Phối hợp chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ

Thứ nhất, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước (NHNN). Việc phối hợp này nên bao gồm những cuộc trao đổi thường xuyên liên quan đến các lĩnh vực tài chính như đầu tư, xây dựng và hoạch định chính sách tài khóa cũng như chính sách tiền tệ trong các giai đoạn dài hạn. Các nội dung phối hợp có thể bao gồm:

- Đặt ra các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, ví dụ như tốc độ tăng trưởng GDP, chỉ tiêu lạm phát, tăng trưởng tín dụng, hay hiệu quả đầu tư công của Ngân sách Nhà nước (NSNN).
- Điều hành chặt chẽ dự toán Ngân sách Nhà nước hằng năm, đảm bảo hiệu quả và kỷ luật tài chính trong các khoản chi.
- Tăng cường quản lý các quỹ của chính phủ, bao gồm quỹ đầu tư quốc gia, vốn ODA, và phát triển các kênh giám sát để kiểm soát thị trường tài chính và tiền tệ.

- Đảm bảo sự phối hợp hiệu quả trong việc kiểm tra và giám sát các hoạt động của tổ chức tín dụng, các công ty bảo hiểm, công ty quản lý quỹ và các công ty tài chính nhằm tăng cường sự ổn định tài chính quốc gia.
- Lập kế hoạch điều hành tỷ giá và lãi suất phù hợp với tình hình phát triển của kinh tế toàn cầu, đặc biệt là việc giữ ổn định tỷ giá ngoại hối và điều chỉnh chính sách lãi suất linh hoạt.

Thứ hai, sự phối hợp giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ cần đảm bảo mục tiêu kiểm soát lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trong ngắn hạn, chính sách tiền tệ phải được điều hành linh hoạt để kìm hãm lạm phát nhưng vẫn hỗ trợ sản xuất và đầu tư. Trong dài hạn, cả hai chính sách cần hỗ trợ lẫn nhau để đảm bảo sự phát triển kinh tế bền vững.

Cải cách cơ cấu và nâng cao tính cạnh tranh: Để cải thiện hiệu quả của chính sách tài khóa, cần tiếp tục thực hiện các cải cách về cơ cấu kinh tế, bao gồm tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hóa và cải thiện môi trường đầu tư. Bên cạnh đó, nâng cao tính cạnh tranh của nền kinh tế thông qua cải cách thủ tục hành chính và đẩy mạnh số hóa cũng là những yếu tố quan trọng. Tái cơ cấu nền kinh tế và doanh nghiệp nhà nước là một trong những giải pháp quan trọng để cải thiện hiệu quả của chính sách tài khóa là thực hiện các cải cách cơ cấu kinh tế, đặc biệt trong lĩnh vực doanh nghiệp nhà nước (DNNN).

Chuyển đổi các DNNN lớn, không thuộc lĩnh vực then chốt của quốc gia thành các công ty cổ phần để tăng cường tính minh bạch và hiệu quả. Khi các doanh nghiệp này chuyển sang mô hình hoạt động theo cơ chế thị trường, năng suất sẽ được cải thiện, đồng thời tạo cơ hội thu hút thêm vốn từ khu vực tư nhân. Các DNNN phải áp dụng chuẩn mực quản trị quốc tế và cải thiện hệ thống kế toán tài chính. Điều này giúp tạo ra môi trường minh bạch hơn, giảm thiểu tình trạng lãng

phí và thất thoát nguồn lực. Bên cạnh đó cũng phải rà soát, cắt giảm các thủ tục không cần thiết, loại bỏ sự chồng chéo trong quản lý giữa các cơ quan nhà nước, nhằm tạo ra môi trường kinh doanh thông thoáng và dễ dàng tiếp cận hơn cho các nhà đầu tư. Việc giảm bớt thời gian và chi phí thực hiện thủ tục hành chính sẽ thúc đẩy sự tham gia của các doanh nghiệp vào nền kinh tế.

Bảo đảm tính minh bạch và kỷ luật tài chính: Cuối cùng, cần tăng cường kỷ luật tài chính trong việc thực hiện các quy định về quản lý NSNN, bảo đảm tính minh bạch, công khai và tuân thủ đúng quy định pháp luật trong quá trình sử dụng và phân bổ ngân sách.

VIII. Tổng kết

Chính sách tài khóa đã và đang đóng vai trò trung tâm trong việc điều tiết nền kinh tế Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh những biến động lớn từ 2021 đến 2023. Từ việc chính phủ tăng cường các gói hỗ trợ tài chính, đầu tư công vào cơ sở hạ tầng, cho đến các biện pháp miễn giảm thuế để kích cầu, chính sách tài khóa đã giúp Việt Nam tránh được những kịch bản kinh tế tiêu cực nhất trong bối cảnh khủng hoảng toàn cầu. Tuy nhiên, những thách thức về lạm phát và nợ công cũng đã dần hiện rõ, đòi hỏi sự điều chỉnh linh hoạt và kịp thời hơn trong tương lai.

Qua phân tích thực tiễn ba năm qua, có thể thấy rằng các chính sách tài khóa của Việt Nam đã phát huy hiệu quả tích cực trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là trong giai đoạn phục hồi sau đại dịch. Các gói hỗ trợ tài chính và chương trình đầu tư công lớn đã giúp duy trì mức tăng trưởng kinh tế khả quan, đồng thời tạo ra những động lực mới cho các ngành công nghiệp và khu vực doanh nghiệp. Tuy nhiên, chính sách tài khóa cũng gặp phải những thách thức lớn trong việc kiểm soát lạm phát, khi các yếu tố ngoại sinh như giá dầu, nguyên vật liệu toàn cầu và bất ổn kinh tế thế giới đã gây ra áp lực lớn lên giá cả trong nước.

Trong tương lai, Việt Nam cần phải tiếp tục cải thiện tính hiệu quả của các chính sách tài khóa, tập trung vào việc đầu tư vào các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao và thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Đồng thời, cần phải có những biện pháp tài chính mạnh mẽ hơn để kiểm soát lạm phát, bảo đảm tính bền vững của nợ công và không tạo ra áp lực quá lớn lên ngân sách quốc gia. Việc rút ra các bài học từ những giai đoạn trước, kết hợp với dự đoán các xu hướng kinh tế toàn cầu, sẽ giúp Việt Nam vận hành chính sách tài khóa một cách hiệu quả hơn, góp phần vào sự phát triển kinh tế ổn định và bền vững trong tương lai.

LỜI KẾT

Chúng em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến giảng viên Ts. Trần Chí Chinh đã tận tình hướng dẫn và giúp đỡ chúng em trong quá trình học tập và phát triển. Nhờ những kiến thức quý báu và sự hỗ trợ tận tâm từ Thầy, chúng em đã có được một nền tảng vững chắc để tiếp cận và phân tích các vấn đề tài chính tiền tệ, đặc biệt là về tác động của chính sách tài khóa trong bối cảnh kinh tế hiện nay.

Chúng em cũng xin cảm ơn các thành viên trong nhóm, những người đã cùng nhau nỗ lực, chia sẻ và phối hợp hiệu quả để hoàn thành bài tiểu luận. Mỗi ý kiến đóng góp và tinh thần làm việc nhóm chính là động lực giúp chúng em đạt được kết quả tốt nhất.

Cuối cùng, chúng em xin cảm ơn quý thầy cô, nhà trường đã tạo điều kiện cho chúng em học tập và nghiên cứu trong một môi trường học tập thuận lợi. Bài tiểu luận này là kết quả của quá trình học hỏi không ngừng và sẽ là hành trang quý báu cho con đường học tập và phát triển của chúng em sau này.

Chúng em xin chân thành cảm ơn!

Tài liệu tham khảo:

1. Lý Đại Hùng và Phạm Thành Công (2024) *Phối hợp chính sách tài khóa và tiền tệ nhằm ổn định lạm phát tại Việt Nam*.
2. Anh Minh (2022), “*Bộ Tài chính: Chính sách tài khóa hỗ trợ kiểm soát lạm phát*”, Báo điện tử chính phủ, ngày 18/04/2022
3. Nguyễn Đình Long và Nguyễn Hoài Nam (2011), “*Tác động của chính sách tài khóa đối với sự phát triển kinh tế Việt Nam*”, Tạp chí cộng sản ngày 21/02/2011.
4. Báo cáo thường niên (2020) *Điều hành ngân sách nhà nước góp phần thực hiện thành công nhiệm vụ kép*”.
5. Phạm Minh Thùy (2024) *Ngân sách nhà nước năm 2023 và dự đoán 2024*, Tạp chí điện tử ngày 30/04/2024.
6. Bộ tài chính (2022), *Niên giám thống kê 2021*, ngày 12/02/2022
7. Bộ tài chính (2022), *Niên giám thống kê 2022*, ngày 24/04/2024